

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Hồng Hải - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Ông Tổng Khánh Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, Theo Quyết định mở phiên họp số 17/2019/QĐ-TA ngày 19 tháng 7 năm 2019 bao gồm những người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình sau đây:

Người yêu cầu thứ nhất: Chị Trần Thị T, sinh ngày 02/3/1994

Địa chỉ: Xóm 7, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh

Người yêu cầu thứ hai: Anh Bạch Anh T, sinh ngày 04/12/1992

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Cộng hòa liên bang Đức.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và tài sản, bản tự khai cũng như tại phiên họp, chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bạch Anh T đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện, Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại xã X được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm. Năm 2018, anh T đi lao động tại Cộng hòa liên bang Đức. Từ đó đến nay chưa về nước. Mỗi người sống

một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên cả hai đã thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bạch Khánh M, sinh ngày 19/4/2017. Hai đương sự thỏa thuận giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bạch Anh T trình bày bằng văn bản có nội dung giống trình bày của chị Trần Thị T về quan hệ hôn nhân, con chung cũng như tài sản chung. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình yêu không còn nên anh yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh và chị Trần Thị T. Ngoài ra, do điều kiện công việc nên anh yêu cầu được vắng mặt, ủy quyền việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bố đẻ là ông Bạch Văn T.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Bạch Anh T xuất cảnh ngày 14/8/2018 hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Đồng thời anh có yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho ông Bạch Văn T. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Tuấn theo thủ tục chung .

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Bạch Anh T đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban

nhân xã C. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng chị T, anh T hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Kể từ thời điểm anh T đi lao động nước ngoài (năm 2017) đến nay mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, do không có điều kiện gần gũi để chăm sóc, hàn gắn những mâu thuẫn trước đó, vì vậy tình cảm vợ chồng càng phai nhạt. Hiện tại, các đương sự đều tự nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình yêu và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng nên đồng thuận ly hôn để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng cuộc hôn nhân của chị Trần Thị T và anh Bạch Anh T không đạt được mục đích đó.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...” (Điều 55).

Như vậy, chị T và anh T đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Cháu Bạch Khánh M, sinh ngày 19/4/2017. Từ khi cháu sinh ra đến nay đều ở với chị T, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện tại cháu chưa đủ 36 tháng tuổi nên sự thỏa thuận giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như điều kiện thực tế của chị T và anh T nên cần được chấp nhận. Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị T thống nhất anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của họ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Bạch Anh T.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giao con chung Bạch Khánh M, sinh ngày 19/4/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bạch Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Trần Thị T (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 001304 ngày 07/6/2019 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Ủy ban nhân dân xã C;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Trần Hồng Hải